

Obibebe

- Dạng thuốc: Dung dịch uống

- Qui cách đóng gói: Hộp 20 ống (4 vỉ x 5 ống 10ml)

- Công thức bào chế: Mỗi 10 ml dung dịch uống chứa:

Magnesi lactat dihydrat.....470 mg

(tương ứng với 48 mg Mg²⁺)

Vitamin B₆ (Pyridoxin hydrochlorid).....5 mg

Tá dược vừa đủ.....10 ml

(Tá dược gồm: Natri citrat, acid citric, natri benzoat, dinatri edetate, tinh dầu cam, tartrazin, dibasic natri phosphat, aspartam, sucralose, nipasol, nipagin, natri carboxymethylcellulose, gồm arabic, ethanol 96%, nước tinh khiết).

- Dược lực học:

Magnesi

+ Magnesi là một ion dương có nhiều trong nội bào. Magnesi làm giảm tính kích thích của natri và sự dẫn truyền natri cơ. Magnesi tham gia vào nhiều phản ứng men.

+ Magnesi lactat dihydrat được sử dụng đường uống như một nguồn bổ sung Mg²⁺ trong điều trị thiếu hụt magnesi.

Vitamin B₆ (Pyridoxin)

+ Vitamin B₆ là một vitamin tan trong nước tồn tại dưới 3 dạng (pyridoxin, pyridoxal và pyridoxamin). Khi vào cơ thể, chúng biến đổi thành pyridoxal phosphate và pyridoxamine phosphate. Hai chất này hoạt động như những coenzym trong chuyển hóa protein, glucid và lipid. Ngoài ra, chúng còn tham gia tổng hợp acid gamma-aminobutyric (GABA) trong hệ thần kinh trung ương và tham gia tổng hợp hemoglobin. Nhu cầu pyridoxin hàng ngày cho người lớn khoảng 1,6 - 2 mg, là lượng có trong khẩu phần ăn bình thường.

+ Nhu cầu pyridoxin ở trẻ em là 0,3 - 2 mg, và người mang thai hoặc cho con bú là 2,1 - 2,2 mg.

- Dược động học:

Magnesi

+ Magnesi hấp thu chậm và không hoàn toàn qua đường tiêu hóa, ngay cả những dạng muối tan. Chỉ khoảng 1/3 lượng magnesi được hấp thu qua ruột non sau khi uống.

+ Khoảng 25-30% magnesi gắn với protein huyết tương.

+ Magnesi dùng đường uống được thải trừ trong nước tiểu (đối với phần được hấp thu) và trong phân (đối với phần không được hấp thu). Một lượng nhỏ magnesi được tìm thấy trong sữa mẹ. Magnesi qua được nhau thai.

Vitamin B₆ (Pyridoxin)

Pyridoxin được hấp thu nhanh chóng qua đường tiêu hóa sau khi uống và được biến đổi thành các dạng có hoạt tính gồm pyridoxal phosphate và pyridoxamine phosphate. Các chất này phần lớn lưu trữ ở gan và bị oxy hóa thành acid 4-pyridoxic và các chất chuyển hóa không hoạt tính khác, và được thải trừ trong nước tiểu. Khi liều dùng vượt quá nhu cầu của cơ thể, lượng thừa sẽ thải trừ qua nước tiểu dưới dạng không đổi. Pyridoxal qua được nhau thai và phân bố trong sữa mẹ.

giật) khi chưa có điều trị đặc hiệu.

- Cách dùng và liều dùng:

+ Người lớn:

Thiếu magnezi: 6 ống uống/ngày, hay 300 mg Mg²⁺/24 giờ.

Tăng co giật: 4 ống uống/ngày, hay 200 mg Mg²⁺/24 giờ.

+ Trẻ em: 2 đến 6 ống/ngày tùy theo tuổi (100-300 mg Mg²⁺/24 giờ).

Nên chia liều dùng mỗi ngày ra làm 2 hoặc 3 lần: sáng, trưa và chiều; mỗi lần nên uống với nhiều nước.

Höặc theo chỉ dẫn của thày thuốc

- Chống chỉ định:

Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Suy thận nặng với độ thanh thải của creatinine dưới 30 ml/phút.

Thận trọng:

+ Không dùng chung với bất kỳ thuốc khác có chứa magnezi hay vitamin B₆.

+ Khi có thiếu calci đi kèm thì cần phải bù magnezi trước khi bù calci.

+ Thận trọng khi sử dụng trên bệnh nhân suy thận.

- Tác dụng không mong muốn của thuốc:

Có thể xảy ra rối loạn tiêu hóa (tiêu chảy và đau bụng).

- Sử dụng trên phụ nữ có thai và đang cho con bú:

Chỉ nên dùng thuốc này cho phụ nữ có thai khi thật cần thiết. Do magnezi được bài tiết qua sữa mẹ, không nên dùng thuốc cho phụ nữ đang cho con bú.

* **Ghi chú: Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.**

- Tương tác với thuốc khác, các dạng tương tác khác:

+ Tránh dùng magnezi kết hợp với các chế phẩm có chứa phosphat và muối calcium là các chất ức chế quá trình hấp thu magnezi tại ruột non.

+ Trong trường hợp phải điều trị kết hợp với tetracycline đường uống, thì phải uống hai loại thuốc cách nhau ít nhất 3 giờ.

+ Không phối hợp với levodopa và levodopa bị vitamin B₆ ức chế.

- Quá liều-Xử trí:

+ **Triệu chứng:** Không có thông tin về quá liều do thuốc.

+ **Xử trí:** Nếu có quá liều xảy ra, chủ yếu điều trị triệu chứng và hỗ trợ.

- Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Không được dùng thuốc đã quá hạn dùng.

* **Lưu ý:** Khi thấy thuốc bị vẩn đục, chuyển màu lạ, số lô SX, HD mờ... hay có các biểu hiện nghi ngờ khác phải đem thuốc tới hỏi lại nơi bán hoặc nơi sản xuất theo địa chỉ trong đơn.

- Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C.

- Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS.

Để xa tầm tay trẻ em

"Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ"